

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày 18 /8/ 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản chung
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang và Ông Hàng Lâm Viên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:* Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O - sinh năm 1981(có mặt);

2. Bị đơn: Ông Phạm Tiến D - sinh năm 1977 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Tiến D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Bà và ông Phạm Tiến D chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng từ năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do ông Phạm Tiến D ghen tuông vô cớ, thường xuyên gây gổ, xúc phạm bà và gia đình bà, không cùng quan điểm trong cuộc sống. Ngày 02/5/2021 ông D dùng dao đe dọa bà, bà có báo chính quyền địa phương đến can thiệp. Từ lâu bà cố gắng chịu đựng vì gia đình, vì con, bà có khuyên nhủ ông D nhiều lần, nhưng ông D không thay đổi; Vợ chồng không còn chung sống đã hơn 02 năm nay, bà ra ở riêng, còn ông D vẫn sống tại nhà của vợ chồng, mạnh ai người nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không ai đặt vấn đề trở lại đoàn tụ. Đến thời điểm hôm nay, bà không còn tình cảm yêu thương ông D nữa, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông Phạm Tiến D.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Phạm Hải Y, sinh ngày 09/01/2005, hiện đang ở với bà. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà làm nghề giáo viên hàng tháng thu nhập bình quân khoảng 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng), đủ khả năng nuôi con. Ông Phạm Tiến D công tác tại Ủy ban nhân dân phường, là cán bộ bán chuyên trách, hàng tháng thu nhập bình quân khoảng 1.800.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 150m² gắn liền với thửa đất số 677, tờ bản đồ số 12, diện tích 252m², tọa lạc tại thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận. Thửa đất số 677 bà được nhận thừa kế riêng từ cha mẹ ruột của bà và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 352470 ngày 26/6/2017 đứng tên bà. Riêng căn nhà cấp 4 của vợ chồng bỏ tiền ra xây dựng, bà yêu cầu được nhận căn nhà để nuôi con, hoàn lại ½ giá trị căn nhà cho ông Phạm Tiến D.

Do bà không thể nào sống chung trong một mái nhà cũ với ông D, vì vậy vào ngày 20 tháng giêng âm lịch năm 2021, tức ngày 03/3/2021 dương lịch, bà có xây riêng 01 căn nhà nhỏ bên cạnh nhà của vợ chồng bà để ở riêng, đây là tài sản riêng của bà tự bỏ tiền ra để xây dựng. Diện tích căn nhà khoảng 60m². Đối với căn nhà riêng bà O không yêu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa Bị đơn ông Phạm Tiến D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim O chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2004, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khó khăn về kinh tế, ông đang làm bán chuyên trách tại Ủy ban nhân dân phường nên thu nhập rất thấp, chỉ khoảng dưới 3.000.000 đồng/tháng, không đủ chi phí cuộc sống gia đình; thỉnh thoảng ông có đi nhậu cùng bạn bè thì bà O thể hiện thái độ khó chịu, tính tình hay ghim gút và xảy ra to tiếng, bà O bỏ ông ra sống riêng. Mặc dù ông nhiều lần xin lỗi bà O để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng bà O không chịu bỏ qua, ông có nhờ cha mẹ ruột của ông đến nói trực tiếp với bà O để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn để phải ly hôn, từ khi bà O nộp đơn ly hôn, ông và bà O có gặp nhau hằng ngày qua lại, nhưng không ngồi nói chuyện với nhau, do bà O không chịu ngồi lại để vợ chồng cùng nói chuyện. Ông có nhờ anh chị em ruột của bà O hòa giải, hai bên gia đình không ai muốn vợ chồng ly hôn. Ông vẫn còn tình cảm yêu thương bà O rất nhiều, vì vậy không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O. Ông thừa nhận có to tiếng, xúc phạm bà O nhưng mong Tòa án xem xét để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Phạm Hải Y, sinh ngày 09/01/2005, hiện bà O đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do ông không đồng ý ly hôn, nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 150m² gắn liền với thửa đất số 677, tờ bản đồ số 12, diện tích 252m² tọa lạc tại thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận. Thửa đất số 677 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 352470 ngày 26/6/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim O, là tài sản chung của vợ chồng do cha mẹ bà O tặng cho vợ chồng. Việc đứng tên chỉ căn đại diện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thuận tiện giao dịch. Ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà O thì ông không còn giấy tờ nào khác chứng minh. Ông yêu cầu chia đôi, bên nào nhận hiện vật thì hoàn lại ½ giá trị cho bên kia.

Đối với căn nhà bà O mới xây bên cạnh nhà của vợ chồng, đây là tài sản riêng của bà O, không phải là tài sản chung, trước đây ông có trình bày căn nhà mới là tài sản chung, nay ông xác định lại căn nhà mới là của riêng bà O, ông không tranh chấp.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2, 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 33, 38, 43, 51, 56, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim O. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim O và ông Phạm Tiến D.

2. Về con chung:

Giao 01 con chung tên Phạm Hải Y, sinh 09/11/2005 cho bà Nguyễn Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Tiến D không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Kim O không yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

+ Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 677 (Nay là thửa đất 1067), tờ bản đồ số 12, diện tích 253m² thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận của ông Phạm Tiến D.

+ Giao 01 căn nhà xây có diện tích 131,9m² (nhà cấp 4A diện tích 57,4m² và nhà cấp 4B diện tích 74,5m²) và các tài sản trên đất gắn liền với thửa đất số 677 (Nay là thửa đất 1067), tờ bản đồ số 12, diện tích 253m² thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận cho bà Nguyễn Thị Kim O được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu;

Buộc bà Nguyễn Thị Kim O hoàn lại giá trị nhà cho ông Phạm Tiến D số tiền 97.143.675 đồng (Chín mươi bảy triệu một trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi lăm ngàn). Ông Phạm Tiến D được quyền sở hữu số tiền 97.143.675 đồng do bà Nguyễn Thị Kim O hoàn lại. Buộc ông Phạm Tiến D phải giao căn nhà và các tài sản trên đất gắn liền với thửa đất 677 (Nay là thửa đất 1067), tờ bản đồ số 12, diện tích 253m² thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cho bà Nguyễn Thị Kim O quản lý, sử dụng, sở hữu.

Nhà, đất có vị trí tứ cận: Bắc giáp thửa đất 36; Nam giáp đường đi; Đông giáp thửa đất 1068; Tây giáp đường đi; theo trích lục đo vẽ chính lý thửa đất bản

đồ địa chính ngày 29/11/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Ninh Phước (Có trích lục kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, bị đơn ông Phạm Tiến D kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ và xác định thừa đất số 677, tờ bản đồ 12 xã Phước Thuận là tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Kim O không rút đơn khởi kiện; ông Phạm Tiến D không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng ông Phạm Tiến D và bà Nguyễn Thị Kim O đã trầm trọng, Tòa án sơ thẩm xét xử cho ly hôn là phù hợp. Việc phân chia tài sản chung là có căn cứ, bà O được thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của cha ruột, khi đăng ký kê khai đứng tên bà O ông D cũng không có ý kiến gì nên không chấp nhận về việc ông D yêu cầu xác định quyền sử dụng đất thừa đất số 677, tờ bản đồ số 12, diện tích 252m² tọa lạc tại thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận là tài sản chung của vợ chồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ Luật Tố tụng Dân sự bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Tiến D nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của các đương sự. Tòa án sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết đầy đủ các mối quan hệ pháp luật tranh chấp đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Tiến D:

[2.1] Đối với yêu cầu không đồng ý ly hôn:

Quá trình thu thập chứng cứ, nhận thấy: Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Phạm Tiến D chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, bà O cho rằng ông D ghen tuông vô cớ, thường xuyên to tiếng, xúc phạm bà và gia đình bà, không quan tâm và còn đánh đập vợ con. Tuy nhiên, ông D cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, thu nhập của ông rất thấp, không đủ chi phí cuộc sống gia đình, thỉnh thoảng ông có đi nhậu cùng bạn bè thì bà O thể hiện thái độ khó chịu, tính tình hay ghim gút và cả hai thường xảy ra to tiếng. Tại phiên tòa, ông D cho rằng bà O có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Các đương sự đều thừa nhận sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Căn cứ vào lời trình bày của các bên thì mâu thuẫn vợ chồng do thiếu tin tưởng, không tôn trọng nhau và không thống nhất trong việc giải quyết kinh tế gia đình. Theo xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú, cung cấp: *“Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D thường xuyên chửi mắng, xúc phạm, to tiếng có đe dọa dùng bạo lực, ghen tuông đánh đập bà Oanh. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng vợ chồng O, D không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng O, D không còn chung sống đã 02 năm nay, mạnh ai người nấy sống, khả năng đoàn tụ không còn”*.

Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng và hạnh phúc; để đạt được điều này thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, ông D hay dùng bạo lực, to tiếng xúc phạm khi không có chứng cứ xác thực mà chỉ là những suy đoán và đây chưa hội đủ điều kiện để xác định bà O là người có lỗi gây nên mâu thuẫn trong hôn nhân mà nguyên nhân là do cả hai phía đều bỏ mặc. Tại phiên tòa, mặc dù ông Dũng không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được cách thức để cải thiện đời sống của vợ chồng và cho biết đã hơn 02 năm giữa ông và bà O không cùng sinh hoạt vợ chồng với nhau do đó khó có thể hàn gắn tình cảm, dung hòa cuộc sống chung. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà O và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã vi phạm các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho bà O được ly hôn với ông Dũng là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chấp nhận cho bà O được ly hôn nên cấp sơ thẩm giao con chung là Phạm Hải Y, sinh ngày 09/11/2005 cho bà O nuôi dưỡng là đúng theo nguyện

vọng của cháu. Vì vậy, kháng cáo không đồng ý ly hôn của ông D là không có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu xác định quyền sử dụng thửa đất số 677, tờ bản đồ 12 xã Phước Thuận là tài sản chung của vợ chồng, nhận thấy:

Thửa đất số 677, tờ bản đồ số 12, diện tích 252m², tọa lạc tại thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 352470 ngày 26/6/2017 nay được xác định là thửa 1067 diện tích 164m² và thửa 1068 diện tích 80m² tờ bản đồ số 12 (theo trích đo) có nguồn gốc được tách từ thửa số 669 tờ bản đồ số 12 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 556301 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp ngày 24/4/2015 cho chủ sử dụng hộ ông Nguyễn Tấn Ph và bà Trần Thị Kim A trên cơ sở văn bản phân chia thừa kế số 09/TK-VPCCAK được Văn phòng công chứng An Khang chứng nhận ngày 10/01/2017. Ông D cho rằng diện tích thửa đất được cha mẹ vợ cho chung vợ chồng nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh trong khi đó bà A thừa nhận diện tích đất được cho riêng bà O. Đồng thời, việc đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân bà O từ năm 2017, thời điểm này ông D và bà O còn chung sống, ông D biết nhưng ông cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì. Quá trình sử dụng đất giữa ông D và bà O cũng không có giấy tờ gì ghi nhận thỏa thuận nhập thửa đất này vào tài sản chung của vợ chồng. Tại khoản 1 điều 33 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng”; Điều 43 quy định: “tài sản riêng của vợ chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn, tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất không phải là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ. Ông D có yêu cầu được nhận căn nhà trên thửa đất số 1067 tờ bản đồ 12, tuy nhiên quyền sử dụng đất được xác định là tài sản riêng của bà O. Mặc khác, giữa hai bên đã có nhiều mâu thuẫn, sau khi ly hôn khó có thể sống gần nhau và bà O cũng không đồng ý giao quyền sử dụng đất cho ông D sử dụng. Thửa đất hiện nay theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vẫn là đất HNK, chưa chuyển mục đích sử dụng và khi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo phân chia thừa kế) thuộc trường hợp không phải nộp thuế nên không có căn cứ để tính công sức cho ông D.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí :

-Án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia 97.143.675 đồng. Bà O còn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối với phần yêu cầu chia quyền sử dụng đất thì người yêu cầu chia tài sản chung không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có sai sót khi tính tiền án phí sơ thẩm khi chia tài sản chung (4.900.000 đồng) và số tiền án phí bị đơn phải chịu đối với yêu cầu chia quyền sử dụng đất (664.000 đồng), cấp phúc thẩm khắc phục điều chỉnh lại về án phí cho phù hợp, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

-Án phí dân sự phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo Ông Phạm Tiến D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 165, Điều 293 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 33, 38, 43, 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Tiến D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2022/HNGĐ-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O đối với bị đơn ông Phạm Tiến D về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”.

1.Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim O được ly hôn với ông Phạm Tiến D.

2.Về con chung:

Giao 01 con chung tên Phạm Hải Y, sinh 09/11/2005 cho bà Nguyễn Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc lạm dụng thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

3. Về tài sản chung:

Xác định quyền sử dụng thửa đất số 677 tờ bản đồ 12 diện tích 253 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 352470 cấp ngày 26/6/2017 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Kim O.

Chia cho bà Nguyễn Thị Kim O được quyền sở hữu 01 căn nhà có diện tích xây dựng 131,9m² gồm cấp 4A diện tích 57,4m² và cấp 4B diện tích 74,5m² cùng các tài sản gắn liền trên một phần thửa đất số 677 (theo trích lục là thửa 1067), tờ bản đồ số 12, diện tích 253m² tọa lạc tại thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị Kim O có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị căn nhà cho ông Phạm Tiến D với số tiền 97.143.675 đồng (*Chín mươi bảy triệu một trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi lăm ngàn*).

Buộc ông Phạm Tiến D phải có nghĩa vụ giao căn nhà có diện tích xây dựng 131,9m² gồm cấp 4A diện tích 59m² và cấp 4B diện tích 74,5m² cùng các tài sản gắn liền trên một phần thửa đất số 677 (theo trích lục là thửa 1067), tờ bản đồ số 12 cho bà Nguyễn Thị Kim O quản lý, sử dụng.

(Có trích lục của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Ninh Phước kèm theo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim O tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 4.857.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.550.000 đồng (*Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025596 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành

án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Bà O còn phải nộp 3.607.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Tiến D phải chịu 4.857.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2022).

Nơi nhận:

- TAND huyện Ninh Phước;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang